

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI BẢO ĐẢM TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Phạm Hữu Đại^{1*}

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong bối cảnh phát triển bền vững. Trên cơ sở tiếp cận lý luận và tổng hợp các dẫn chứng thực tiễn, nghiên cứu làm rõ vai trò của tăng trưởng kinh tế như nền tảng vật chất, đồng thời khẳng định tiến bộ và công bằng xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng và phân phối công bằng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân mà còn củng cố ổn định xã hội và tạo động lực cho tăng trưởng dài hạn.

Từ khóa: phát triển kinh tế; tiến bộ xã hội; công bằng xã hội.

Ngày nhận bài: 10/02/2026; **Ngày phản biện:** 01/03/2026; **Ngày duyệt đăng:** 10/03/2026

ABSTRACT

This paper examines the relationship between economic development and the assurance of social progress and social equity in the context of sustainable development. Based on theoretical analysis and a synthesis of practical evidence, the study clarifies the role of economic growth as the material foundation, while social progress and social equity are identified as both the objectives and driving forces of development. The findings indicate that a balanced combination of growth and equitable distribution not only improves people's quality of life but also enhances social stability and supports long-term economic growth.

Keywords: economic development; social progress; social equity.

***Email:** Aophaodinhvi@gmail.com

1. Mở đầu

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vị thế của một quốc gia không còn chỉ được đo bằng tổng sản phẩm trong nước, mà còn được đánh giá thông qua chất lượng phát triển, mức độ ổn định xã hội và nền tảng nhân văn của hệ thống phát triển. Vì vậy, phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là một định hướng có ý nghĩa chiến lược nhằm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng với yêu cầu ổn định và phát triển bền vững của xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021; Chính phủ Việt Nam, 2021).

Đây không phải là bài toán đánh đổi đơn giản giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, mà là một mối quan hệ hữu cơ mang tính biện chứng. Phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực vật chất cho việc thực hiện các chính sách xã hội, trong khi tiến bộ và công bằng xã hội lại trở thành động lực nội sinh thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Khi mọi người dân có điều kiện tiếp cận tương đối bình đẳng với giáo dục, y tế và việc làm, năng suất lao động, khả năng sáng tạo và mức độ tham gia vào đời sống kinh tế sẽ được nâng lên. Sự phát triển chỉ thực sự bền

vững khi thành quả tăng trưởng được lan tỏa tới mọi tầng lớp nhân dân, nhất là các nhóm dễ bị tổn thương, thay vì chỉ tập trung vào một bộ phận nhỏ trong xã hội (Sen, 2002; Stiglitz, 2012).

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu đặt ra là không đánh đổi môi trường, an sinh hay công bằng xã hội để lấy tăng trưởng ngắn hạn. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội; làm rõ các trụ cột của phát triển bao trùm; đồng thời nhận diện những thách thức lớn của thời đại và định hướng chiến lược nhằm hiện thực hóa một nền kinh tế thịnh vượng gắn với một xã hội công bằng, văn minh và bao trùm.

2. Phép biện chứng giữa sự thịnh vượng và lòng nhân ái

Trong tư duy quản trị quốc gia hiện đại, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội không nên được nhìn nhận như một sự lựa chọn loại trừ theo kiểu “chọn một trong hai”. Thực chất, đây là hai phương diện gắn bó chặt chẽ trong một chỉnh thể phát triển thống nhất, trong đó sự thịnh vượng vật chất và tính nhân văn xã hội bổ sung cho nhau, cùng tạo nền tảng cho phát

¹Lữ đoàn 242, Quân khu 3, Bộ Quốc Phòng

triển bền vững. Nếu tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần để bảo đảm nguồn lực, thì tiến bộ và công bằng xã hội chính là điều kiện để sự tăng trưởng ấy có chiều sâu, có định hướng và có ý nghĩa đối với con người (Nguyễn, 2015; Nguyễn, 2022).

Về bản chất, kinh tế luôn giữ vai trò là tiền đề vật chất cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội. Trong một thế giới vận hành dựa trên nguồn lực, mọi cam kết về phúc lợi hay công bằng xã hội đều khó có thể trở thành hiện thực nếu thiếu một nền kinh tế đủ năng động và có khả năng tạo ra giá trị gia tăng bền vững. Không có nguồn lực vật chất, Nhà nước sẽ gặp nhiều hạn chế trong việc thực hiện vai trò điều tiết, hỗ trợ nhóm yếu thế và đầu tư cho các lĩnh vực then chốt như giáo dục, y tế, an sinh và hạ tầng xã hội. Theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII, phát triển nhanh và bền vững phải gắn chặt với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Thực tiễn quốc tế cũng cho thấy, nhiều quốc gia phát triển đã xây dựng được hệ thống an sinh xã hội toàn diện trên nền tảng một nền kinh tế có năng suất cao, quản trị hiệu quả và khả năng tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách. Điều đó cho thấy phát triển kinh tế mạnh mẽ không đối lập với các mục tiêu nhân văn, mà ngược lại, chính là điều kiện để các giá trị nhân văn được bảo đảm trên thực tế và duy trì một cách lâu dài.

Tuy nhiên, mối quan hệ này không chỉ vận động theo một chiều. Thực hiện công bằng xã hội không phải là gánh nặng hay lực cản đối với tăng trưởng, mà ngược lại, chính là động lực nội tại của sự phát triển bền vững. Khi các rào cản về cơ hội được dỡ bỏ, người dân sẽ có điều kiện phát huy năng lực, nâng cao trình độ, gia tăng năng suất lao động và đóng góp tích cực hơn cho nền kinh tế. Theo Sen (2002), phát triển cần được hiểu là quá trình mở rộng các quyền tự do thực chất của con người. Trong khi đó, Stiglitz (2012) nhấn mạnh rằng bất bình đẳng gia tăng không chỉ là vấn đề xã hội mà còn có thể làm suy yếu chính nền tảng kinh tế của tăng trưởng.

Thực tiễn phát triển của Việt Nam cho thấy, các chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển vùng khó khăn đã góp phần quan trọng trong việc củng cố ổn định xã hội, tạo niềm tin cho người dân và thúc đẩy sự tham gia rộng rãi hơn vào các hoạt động kinh tế. Theo Phạm (2023), việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII không chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị, mà còn là nền tảng tạo lập đồng thuận xã hội và tăng cường sức mạnh nội sinh của đất nước.

Bài học từ nhiều khu vực trên thế giới cũng cho thấy, khi khoảng cách giàu nghèo bị nới rộng quá mức và cơ hội phát triển phân bố không đồng đều, xã hội dễ phát sinh bất ổn, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư, năng lực quản trị và triển vọng tăng trưởng dài hạn. Ngược lại, khi công bằng xã hội được đề cao, niềm tin xã hội được củng cố, các tầng lớp dân cư sẽ có thêm động lực để lao động, sáng tạo và cống hiến. Đây chính là dạng “vốn xã hội” có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển bền vững của một quốc gia (Stiglitz, 2012; Chancel et al., 2022).

Từ đó có thể khẳng định rằng, phát triển kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là hai mặt gắn bó trong cùng một quá trình phát triển. Tăng trưởng tạo ra nguồn lực cho việc hiện thực hóa công bằng, còn công bằng xã hội lại tạo ra động lực và sự ổn định cần thiết cho tăng trưởng bền vững hơn.

3. Trụ cột của sự phát triển bao trùm: Từ công bằng cơ hội đến nhân văn trong phân phối

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong bối cảnh hiện nay không chỉ là một mục tiêu chính trị, mà còn đòi hỏi tư duy quản trị hiện đại, thận trọng và nhất quán. Trong quá trình đó, cần tránh rơi vào tư duy bình quân cào bằng, bởi cách tiếp cận này có thể làm suy giảm động lực phấn đấu, hạn chế sáng tạo và làm méo mó các tín hiệu phát triển. Thay vì phân phối nguồn lực một cách cơ học, trọng tâm của phát triển bao trùm phải là bảo đảm công bằng về cơ hội và tính hợp lý trong phân phối thành quả phát triển. Đây là hai trụ cột quan trọng của một xã hội văn minh, nơi mọi người dân, bất kể hoàn cảnh xuất thân, đều có cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển và cải thiện vị thế của mình trong xã hội (Nguyễn, 2015; Phạm, 2023).

Trước hết, trong lộ trình xây dựng một xã hội công bằng, cần ưu tiên tạo lập các nền tảng căn bản của công bằng cơ hội. Điều này đòi hỏi Nhà nước phải đóng vai trò kiến tạo và điều tiết nhằm giảm thiểu khoảng cách về tiếp cận giáo dục, y tế, hạ tầng và sinh kế giữa các vùng miền, các nhóm dân cư và các tầng lớp xã hội. Một quốc gia chỉ có thể tiến gần hơn đến công bằng khi không còn sự chênh lệch quá lớn về điều kiện phát triển giữa khu vực trung tâm và vùng khó khăn, giữa nhóm có lợi thế và nhóm yếu thế. Trong tiến trình đó, giáo dục và y tế là hai trụ cột có ý nghĩa đặc biệt. Giáo dục không chỉ cung cấp tri thức mà còn mở ra cơ hội dịch chuyển xã hội, còn y tế tạo ra điều kiện thể chất để con người học tập, lao động và phát triển toàn diện (Sen, 2002; UNDP, 2024).

Thực tế cho thấy Việt Nam đã đạt được nhiều kết

quả tích cực trong phát triển con người và giảm nghèo. Theo Báo cáo Phát triển con người của UNDP, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có mức phát triển con người cao. Đồng thời, quá trình giảm nghèo đa chiều trong những năm qua phản ánh những nỗ lực đáng kể trong việc mở rộng cơ hội phát triển cho người dân, nhất là các nhóm khó khăn và dễ bị tổn thương (UNDP, 2024; World Bank, 2022). Những kết quả này không chỉ mang ý nghĩa thống kê, mà còn cho thấy tác động tích cực của các chính sách giáo dục, đào tạo nghề, hỗ trợ sinh kế và phát triển xã hội trong việc hạn chế sự tái sản xuất nghèo đói qua các thế hệ.

Thứ hai, để củng cố sự phát triển bền vững trong dài hạn, cần xây dựng cơ chế tái phân phối thu nhập hợp lý dựa trên hệ thống thuế minh bạch và chính sách an sinh xã hội mang tính bao trùm. Một hệ thống thuế công bằng không chỉ nhằm mục tiêu tạo nguồn thu cho ngân sách, mà còn là công cụ điều tiết phân hóa tài sản, hạn chế tình trạng tích tụ nguồn lực quá mức vào một nhóm nhỏ trong xã hội. Trên cơ sở đó, Nhà nước có thể duy trì các “lưới an sinh” nhiều tầng để hỗ trợ kịp thời các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng trước các rủi ro về kinh tế, xã hội và môi trường (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, 2023; Chính phủ Việt Nam, 2021).

Trong bối cảnh thế giới đối mặt với nhiều rủi ro phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thiên tai hay dịch bệnh, vai trò của an sinh xã hội càng trở nên quan trọng. Hệ thống bảo trợ xã hội không chỉ là giải pháp hỗ trợ tạm thời, mà còn là cơ chế bảo vệ phẩm giá con người, duy trì ổn định xã hội và tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài. Theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW, chính sách xã hội phải được đổi mới theo hướng toàn diện, bao trùm, hiện đại, bền vững và lấy con người làm trung tâm (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, 2023).

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thách thức về bất bình đẳng thu nhập vẫn còn hiện hữu. Báo cáo Bất bình đẳng Thế giới cho thấy khoảng cách thu nhập và tài sản vẫn là một vấn đề lớn ở phạm vi toàn cầu, đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân phối và tái phân phối theo hướng hài hòa hơn giữa hiệu quả và công bằng (Chancel et al., 2022). Đối với Việt Nam, phát triển bao trùm không chỉ dừng lại ở việc mở rộng cơ hội tiếp cận, mà còn phải chuyển hóa cơ hội đó thành những kết quả an sinh cụ thể, giúp con người trở thành chủ thể tích cực của quá trình phát triển.

4. Những thách thức thời đại và tầm nhìn chiến lược

Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay đang đứng trước những thách thức mang tính thời đại, đòi hỏi tư duy quản trị vừa linh hoạt, vừa có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Sự phát triển nhanh của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa cùng với khủng hoảng khí hậu toàn cầu đang làm thay đổi sâu sắc môi trường phát triển của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội không còn chỉ là vấn đề điều tiết thu nhập hay hỗ trợ nhóm yếu thế theo nghĩa truyền thống, mà còn gắn với việc ứng phó các rủi ro mới có thể tạo ra đứt gãy xã hội ở quy mô lớn (Chính phủ Việt Nam, 2021; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, 2023).

Một trong những thách thức trực diện nhất là sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo và tự động hóa. Mặc dù những tiến bộ công nghệ này mở ra triển vọng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, nhưng chúng cũng có thể làm gia tăng nguy cơ phân hóa trên thị trường lao động. Những nhóm lao động có kỹ năng thấp, khả năng thích ứng hạn chế hoặc ít cơ hội tiếp cận đào tạo lại rất dễ bị tụt lại phía sau. Vì vậy, nếu không có chiến lược đào tạo, nâng cao kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp một cách bao trùm, tiến bộ công nghệ có thể trở thành yếu tố làm trầm trọng thêm bất bình đẳng thu nhập và bất bình đẳng cơ hội (Stiglitz, 2012; UNDP, 2024).

Bên cạnh chuyển đổi số, biến đổi khí hậu cũng đang trở thành một thách thức lớn đối với công bằng xã hội. Thực tế cho thấy tác động của thiên tai, nước biển dâng, xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết cực đoan thường không phân bổ đồng đều giữa các nhóm dân cư. Những cộng đồng nghèo, có sinh kế bấp bênh và khả năng thích ứng hạn chế thường là những nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn. Điều này đặt ra một yêu cầu mới đối với công bằng xã hội, đó là không chỉ bảo đảm quyền tiếp cận nguồn lực phát triển trong hiện tại, mà còn phải bảo vệ những nhóm dễ bị tổn thương trước các rủi ro môi trường và khí hậu trong tương lai (World Bank, 2022).

Đối với Việt Nam, thách thức này càng trở nên rõ nét trong bối cảnh nhiều khu vực có mức độ nhạy cảm cao với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các vùng đồng bằng và ven biển. Nếu không có chiến lược ứng phó thích hợp, các thành quả về giảm nghèo, phát triển sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống có thể bị xói mòn nghiêm

trọng. Do đó, bảo đảm công bằng xã hội trong thời đại mới cần được hiểu theo nghĩa rộng hơn, bao gồm cả khả năng thích ứng, chống chịu và bảo vệ con người trước các rủi ro phát triển mới (World Bank, 2022; Phạm, 2023).

Trước bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra là phải tái định nghĩa nội hàm của sự thịnh vượng. Tiến bộ xã hội ngày nay không thể tách rời phát triển xanh, chuyển đổi số và trách nhiệm liên thế hệ. Công bằng xã hội không chỉ là mối quan hệ giữa các nhóm người trong hiện tại, mà còn là trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và không chuyển gánh nặng phát triển sang cho các thế hệ tương lai. Theo tinh thần Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021–2030, Việt Nam cần tiếp tục theo đuổi mô hình phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (Chính phủ Việt Nam, 2021).

Việc theo đuổi mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và mục tiêu phát triển bền vững phản ánh một tầm nhìn chiến lược mới, trong đó con người và môi trường sống được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình phát triển. Chỉ khi sự thịnh vượng được xây dựng trên nền tảng của trách nhiệm, công bằng và tính bền vững, quốc gia mới có thể tạo dựng được sức mạnh nội sinh đủ lớn để vượt qua những thách thức của thời đại.

5. Kết luận

Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là một yêu cầu mang tính nguyên tắc trong quá trình phát triển đất nước. Đây không chỉ là một mục tiêu chính trị, mà còn là thước đo phản ánh chất lượng phát triển và trình độ văn minh của một quốc gia. Một nền kinh tế thực sự vững mạnh không chỉ được nhận diện qua tốc độ tăng trưởng hay quy mô của cải vật chất, mà còn ở khả năng chuyển hóa thành quả tăng trưởng thành những cải thiện thực chất trong đời sống nhân dân.

Sự phồn vinh đích thực không thể chỉ được đo bằng tài sản của một bộ phận dân cư hay bằng những chỉ số tăng trưởng bề nổi. Thay vào đó, nó cần được phản ánh qua mức độ an toàn, cơ hội phát triển, chất lượng sống và cảm nhận về công bằng của mọi công dân trong xã hội. Chỉ khi thành quả phát triển được chia sẻ theo hướng hợp lý, xã hội mới có đủ nội lực để vượt qua biến động, củng cố ổn định và hướng tới phát triển bền vững. Vì vậy, sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội chính là chìa khóa để kiến tạo một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2023), *Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội*, Hà Nội.

Chancel, L., Piketty, T. and cộng sự (2022), *Báo cáo Bất bình đẳng Thế giới 2022* (World Inequality Report 2022).

Chính phủ Việt Nam (2021), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021–2030 ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội XIII*, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I, II)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Nguyễn, L.K. (2015), *Công bằng xã hội ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn, P.T. (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Phạm, V.L. (2023), *Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Sen, A. (2002), *Development as Freedom (Bản dịch tiếng Việt: Phát triển là tự do)*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Stiglitz, J.E. (2012), *The Price of Inequality (Bản dịch: Cái giá của sự bất bình đẳng)*, NXB Trẻ, Hà Nội.

UNDP (2024), *Human Development Report 2023–24: Breaking the Gridlock (Báo cáo Phát triển con người 2023–2024)*, United Nations Development Programme, New York.

World Bank (2022), *From the Last Mile to the Next Mile: Vietnam Poverty and Equity Assessment (Báo cáo đánh giá nghèo đói và công bằng tại Việt Nam)*, World Bank, Washington, DC.